



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 49

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 17 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 20 tháng 06 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: TAPLAST.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 99.978.890.000 đồng (Chín mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 06 năm 2018, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/06/2018
Ông Ngô Đức Trung	Phó chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 12/06/2018
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	
Ông Lê Viết Hùng	Thành viên HĐQT	

Ban kiểm soát

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban
Bà Lương Thị Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Hà	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Viết Hùng

Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 11/06/2018

Ông Ngô Đức Vũ

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 12/06/2018

Ông Nguyễn Hồng Chương

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 29/01/2018

Ông Ngô Đức Trung

Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Đức Vũ

Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2018

Số: 045/2018/BCSX-PB.00040

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



PHẠM TUẤN VŨ

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		330.349.649.272	223.548.808.868
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	43.580.507.318	11.266.392.534
1. Tiền	111		43.580.507.318	11.266.392.534
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.276.283.229	75.793.374.747
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	91.191.820.547	67.924.354.003
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	27.368.648.939	9.405.307.913
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	610.000.000	610.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	4.853.957.812	3.601.856.900
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.748.144.069)	(5.748.144.069)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	141.222.337.385	109.519.203.573
1. Hàng tồn kho	141		141.328.523.837	109.625.390.025
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(106.186.452)	(106.186.452)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		27.270.521.340	26.969.838.014
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	4.038.055.213	3.928.006.138
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.145.685.768	22.396.107.985
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	86.780.359	645.723.891
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.828.332.024	301.506.213.313
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		10.453.788.521	11.092.091.610
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	10.453.788.521	11.092.091.610
II/ Tài sản cố định	220		268.900.346.902	244.352.266.180
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	89.625.303.967	71.141.047.453
- Nguyên giá	222		217.593.503.212	211.976.695.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.968.199.245)	(140.835.647.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	173.718.925.157	167.581.833.461
- Nguyên giá	225		234.433.824.843	215.173.274.987
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(60.714.899.686)	(47.591.441.526)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.556.117.778	5.629.385.266
- Nguyên giá	228		7.290.345.218	7.290.345.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.734.227.440)	(1.660.959.952)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		12.867.046.559	32.819.839.016
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	12.867.046.559	32.819.839.016
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	500.000.000	500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.200.072.890	6.200.072.890
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.200.072.890)	(6.200.072.890)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		18.107.150.042	12.742.016.507
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	18.107.150.042	12.742.016.507
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		641.177.981.296	525.055.022.181

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		532.054.996.955	419.030.008.790
I/ Nợ ngắn hạn	310		355.880.732.164	299.183.529.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	42.805.622.596	21.958.218.139
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.039.899.965	876.615.626
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	110.662.101	1.181.342.295
4. Phải trả người lao động	314		4.784.592.766	5.327.098.676
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.661.066.995	2.246.129.219
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.822.169.137	1.712.338.902
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	301.656.718.604	265.881.787.053
III/ Nợ dài hạn	330		176.174.264.791	119.846.478.880
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.728.729.025	1.728.729.025
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	174.445.535.766	118.117.749.855
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.122.984.341	106.025.013.391
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	109.122.984.341	106.025.013.391
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.978.890.000	99.978.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.978.890.000	99.978.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.144.094.341	6.046.123.391
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.046.123.391	3.382.576.090
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.097.970.950	2.663.547.301
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		641.177.981.296	525.055.022.181



Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kê toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	357.420.979.653	274.918.256.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	596.911.426	696.408.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		356.824.068.227	274.221.848.117
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	321.158.827.290	235.187.345.864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.665.240.937	39.034.502.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	54.608.147	286.824.803
7. Chi phí tài chính	22	6.5	15.219.119.846	9.821.631.536
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.009.940.316	9.701.456.779
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	13.530.516.328	10.361.942.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	15.430.203.070	18.249.811.966
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.459.990.160)	887.941.149
11. Thu nhập khác	31	6.8	12.409.488.821	724.501.822
12. Chi phí khác	32	6.9	64.453.683	297.542.898
13. Lợi nhuận khác	40		12.345.035.138	426.958.924
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.885.044.978	1.314.900.073
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	787.074.028	1.181.818
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.097.970.950	1.313.718.255
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	310	131
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	310	131



Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.885.044.978	1.314.900.073
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.414.340.985	20.201.045.001
- Các khoản dự phòng	03	-	(11.400.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	75.223.827	26.143.169
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.926.404.139)	(595.893.451)
- Chi phí lãi vay	06	15.009.940.316	9.701.456.779
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.458.145.967	30.636.251.571
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.737.454.310)	(24.890.509.101)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(31.703.133.812)	(18.552.730.232)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	26.715.691.614	15.515.863.773
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.475.182.610)	(8.074.824.981)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.823.520.753)	(9.487.676.940)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(254.005.707)	(1.181.818)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(17.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.819.459.611)	(14.872.757.728)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.893.924.761)	(65.191.730.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	19.495.409.246	42.660.698.600
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.455.093	557.414.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.389.060.422)	(13.973.617.911)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	497.250.534.157	222.400.740.604
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(393.944.849.059)	(151.455.143.385)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(37.808.980.654)	(23.843.122.876)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(252.984.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	65.496.704.444	46.849.489.743
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	32.288.184.411	18.003.114.104
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.266.392.534	13.174.128.340
Ảnh hưởng tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	25.930.373	15.042.243
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.580.507.318	31.192.284.687



Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 17 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 20 tháng 06 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.
Tên Công ty viết tắt là: TAPLAST.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 20 tháng 6 năm 2018, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 99.978.890.000 đồng (Chín mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa các loại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 06 năm 2018, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh nhà ở./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong năm 06 tháng đầu năm 2018, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

1.6 Cấu trúc Công ty**Các chi nhánh**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Nhựa Tân Phú	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Long An	CCN Nhựa Đức Hoà Hạ (lô C16) Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh	Cụm CN Xuân Lâm - Xã Xuân Lâm - Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	Hạch toán phụ thuộc

Công ty liên kết

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	43,42%	43,42%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.11 Thay đổi khung khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ thuê tài chính

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện điều chỉnh khung khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính do đánh giá lại khả năng sử dụng hữu ích của tài sản theo tờ trình đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 02/01/2018.

Việc điều chỉnh khung khấu hao của các tài sản cố định nêu trên làm chi phí khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2018 giảm 2.929.376.994 đồng so với mức trích theo khung khấu hao cũ.

4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị của lô đất được giao tại Cụm công nghiệp Nhựa Đức Hòa (lô 16), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời gian còn lại khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng là 48 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.14 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.20 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan trong kỳ kế toán:

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	Công ty thành viên Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Công ty thành viên Tập đoàn
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nhựa Việt Lào	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	316.310.760	351.341.190
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.264.196.558	10.915.051.344
Tiền gửi VND	42.612.573.718	6.652.970.614
Tiền gửi ngoại tệ	651.622.840	4.262.080.730
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	43.580.507.318	11.266.392.534

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt ngoại tệ - USD	153,00	3.506.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	28.431,49	651.622.840

Các khoản tiền gửi thanh toán được sử dụng để bảo đảm cho các khoản nợ thuê tài chính

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh HCM		761.725.420

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Cộng	6.700.072.890	(6.200.072.890)	500.000.000	6.700.072.890	(6.200.072.890)	500.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	30/06/2018			01/01/2018		
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	-	43,42%	43,42%	-	43,42%	43,42%
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	50.000	0,05%	0,05%	50.000	0,05%	0,05%

Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2016. Toàn bộ tài sản của Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào hiện đang bị Ngân hàng phong tỏa để thu hồi các khoản vay chưa thanh toán. Do các cổ đông không thực hiện góp vốn, tái cơ cấu, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào không còn khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú đánh giá Công ty Việt Lào không còn khả năng hoạt động liên tục trong tương lai nên đã trích lập dự phòng 100% giá trị đầu tư tại Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	96.559.375	-	1.260.494.136	-
Phải thu các khách hàng khác				
Công Ty Cổ Phần Pin Ấc qui Miền Nam	50.500.001	-	6.893.430.379	-
CN Công ty CP Pin ắc quy Miền Nam- XN ắc quy Đồng Nai	7.880.126.413	-	-	-
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Pin ắc quy Miền Nam-XN ắc quy Đồng Nai 2	5.883.772.756	-	21.900.260	-
Công Ty TNHH Earth Corporation Việt Nam	5.628.442.669	-	-	-
Công ty CP MARICO SOUTH EAST ASIA	4.774.078.691	-	2.339.031.031	-
Công ty Cổ phần Á Mỹ Gia	-	-	5.242.197.678	-
Công ty TNHH Tập đoàn An Nông	2.394.887.332	-	4.475.591.694	-
Công ty TNHH ARYSTA LIFESCIENCE Việt Nam	2.427.086.250	-	4.095.092.751	-
Các khách hàng khác	59.820.049.331	(225.675.260)	41.360.298.345	(225.675.260)
Cộng	91.191.820.547	(2.461.992.989)	67.924.354.003	(2.461.992.989)

Trong đó, giá trị các khoản phải thu được sử dụng để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại ngày 30/06/2018 của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Hồ Chí Minh là 750.000 USD và của ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) là 19.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
Trả trước các khách hàng khác				
TAIZHOU HUIYUAN MOULD CO.,LTD	-	-	822.097.035	-
Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW Việt Nam	-	-	745.800.000	-
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp An Phú Hưng	2.399.277.000	-	2.131.245.500	-
HAR JING PLASTIC MOLD CO., LTD	4.425.643.550	-	143.129.700	-
Công ty TNHH Lập Phúc	3.869.525.000	-	-	-
Shinkong Systhetic Corp.	2.119.840.800	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển SXTM Nhựa Thanh Đạt	2.099.900.000	-	-	-
Các đối tượng khác	11.595.715.954	(27.500.000)	4.704.289.043	(27.500.000)
Cộng	27.368.648.939	(886.246.635)	9.405.307.913	(886.246.635)

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
Cộng	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)

<1> Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HĐVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 30/06/2018, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 30/06/2018, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Mượn nguyên liệu	-	-	305.081.732	-
Phải thu các đối tượng khác				
Ký quỹ, ký cược	-	-	45.541.748	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	963.694.050	-	844.417.769	-
Phải thu khác	2.100.359.317	-	616.911.206	-
Cộng	4.853.957.812	(1.789.904.445)	3.601.856.900	(1.789.904.445)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	6.220.140.771	-	6.396.350.727	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	3.788.149.860	-	4.250.242.993	-
Phải thu khác	445.497.890	-	445.497.890	-
Cộng	10.453.788.521	-	11.092.091.610	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.7 Nợ xấu

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	5.494.968.809	-	5.494.968.809	-
Phải thu tiền bán hàng	2.236.317.729	-	2.236.317.729	-
Phải thu tiền cho vay vốn	610.000.000	-	610.000.000	-
Phải thu tiền lãi vay	152.404.445	-	152.404.445	-
Phải thu tạm ứng góp vốn	1.637.500.000	-	1.637.500.000	-
Trả trước người bán	858.746.635	-	858.746.635	-
Các đối tượng khác	253.175.260	-	253.175.260	-
Cộng	5.748.144.069	-	5.748.144.069	-

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	978.278.500	-	5.489.285.575	-
Nguyên liệu, vật liệu	80.836.926.317	(35.017.997)	62.141.379.640	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	27.110.722.692	-	11.770.338.970	-
Thành phẩm	24.763.508.010	(32.760.803)	25.457.797.792	(32.760.803)
Hàng hoá	7.639.088.318	(38.407.652)	4.766.588.048	(38.407.652)
Cộng	141.328.523.837	(106.186.452)	109.625.390.025	(106.186.452)

Giá trị hàng tồn kho luân chuyển được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Hồ Chí Minh tại thời điểm 30/06/2018 là 750.000 USD và ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là 19.000.000.000 đồng.

Giá trị dự phòng là giá trị của các vật tư nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa đã hư hỏng mất phẩm chất nhưng chưa được thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	84.240.798.583	119.119.388.813	7.985.091.688	631.416.115	-	211.976.695.199
Mua trong kỳ	598.610.000	16.299.354.105	89.090.909	-	-	16.987.055.014
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	16.031.127.037	-	-	-	16.031.127.037
Mua lại TSCĐ TTC	-	362.150.000	-	-	-	362.150.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.902.153.006)	(573.332.332)	-	-	(20.475.485.338)
Giảm do bán tái thuê tài chính	-	(7.288.038.700)	-	-	-	(7.288.038.700)
Số dư tại 30/06/2018	84.839.408.583	124.621.828.249	7.500.850.265	631.416.115	-	217.593.503.212
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2018	36.121.375.821	96.670.306.697	7.589.922.301	454.042.927	-	140.835.647.746
Khấu hao trong kỳ	3.193.087.234	3.529.852.388	125.404.582	22.210.714	-	6.870.554.918
Mua lại TSCĐ TTC	-	347.060.419	-	-	-	347.060.419
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.511.731.506)	(573.332.332)	-	-	(20.085.063.838)
Số dư tại 30/06/2018	39.314.463.055	81.035.487.998	7.141.994.551	476.253.641	-	127.968.199.245
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2018	48.119.422.762	22.449.082.116	395.169.387	177.373.188	-	71.141.047.453
Số dư tại 30/06/2018	45.524.945.528	43.586.340.251	358.855.714	155.162.474	-	89.625.303.967

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 77.834.444.186 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 76.778.397.246 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	-	206.324.487.100	8.848.787.887	-	-	215.173.274.987
Thuê tài chính trong kỳ	-	17.362.699.856	2.260.000.000	-	-	19.622.699.856
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(362.150.000)		-	-	(362.150.000)
Số dư tại 30/06/2018	-	223.325.036.956	11.108.787.887	-	-	234.433.824.843
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2018	-	45.470.086.932	2.121.354.594	-	-	47.591.441.526
Khấu hao trong kỳ	-	12.514.614.284	955.904.295	-	-	13.470.518.579
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(347.060.419)	-	-	-	(347.060.419)
Số dư tại 30/06/2018	-	57.637.640.797	3.077.258.889	-	-	60.714.899.686
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2018	-	160.854.400.168	6.727.433.293	-	-	167.581.833.461
Số dư tại 30/06/2018	-	165.687.396.159	8.031.528.998	-	-	173.718.925.157

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	7.011.345.218	-	-	279.000.000	-	7.290.345.218
Số dư tại 30/06/2018	7.011.345.218	-	-	279.000.000	-	7.290.345.218
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2018	1.381.959.952	-	-	279.000.000	-	1.660.959.952
Khấu hao trong kỳ	73.267.488	-	-	-	-	73.267.488
Số dư tại 30/06/2018	1.455.227.440	-	-	279.000.000	-	1.734.227.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2018	5.629.385.266	-	-	-	-	5.629.385.266
Số dư tại 30/06/2018	5.556.117.778	-	-	-	-	5.556.117.778

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay là 5.556.117.778 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 279.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2018 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	30/06/2018 VND
Mua sắm TSCĐ	25.798.963.616	5.679.500.061	17.664.497.352	9.776.563.311	4.037.403.014
Máy móc, thiết bị sản xuất nhựa nhập mua và thuê tài chính chưa nghiệm thu	25.798.963.616	5.679.500.061	17.664.497.352	9.776.563.311	4.037.403.014
Xây dựng cơ bản	7.020.875.400	1.808.768.145	-	-	8.829.643.545
Xây dựng nhà xưởng Bắc Ninh GD 2	7.020.875.400	1.162.497.545	-	-	8.183.372.945
Xưởng sạch - nhà máy CNHCM	-	646.270.600	-	-	646.270.600
	32.819.839.016	7.488.268.206	17.664.497.352	9.776.563.311	12.867.046.559

Trong đó, giá trị tài sản dở dang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng 0 là đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.13 Chi phí trả trước

5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.917.216.021	2.226.816.647
Chi phí sửa chữa tài sản	455.355.348	455.521.497
Các khoản khác	1.665.483.844	1.245.667.994
Cộng	4.038.055.213	3.928.006.138

5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.654.261.829	11.184.365.778
Chi phí sửa chữa tài sản	4.441.944.974	899.503.735
Các khoản khác	3.010.943.239	658.146.994
Cộng	18.107.150.042	12.742.016.507

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	6.543.043.750	6.543.043.750	242.037.810	242.037.810
Phải trả nhà cung cấp khác				
JAMPOO UNION CORP - FOMRMOA CHEMICALS & FIERE CORP	8.858.835.150	8.858.835.150	-	-
VINMAR INTERNATIONAL,	4.545.572.625	4.545.572.625	-	-
TOSHIBA MACHINE S. E. ASIA PTE.LTD	-	-	4.518.438.000	4.518.438.000
Scg Plastics Co., Ltd	-	-	3.187.238.400	3.187.238.400
Các nhà cung cấp khác	22.858.171.071	22.858.171.071	14.010.503.929	14.010.503.929
Cộng	42.805.622.596	42.805.622.596	21.958.218.139	21.958.218.139

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	15.964.452.834	17.055.377.265	-	1.090.924.431
Thuế xuất, nhập khẩu	37.963.238	-	856.269.664	751.346.747	142.886.155	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	73.818.139	787.074.028	254.005.707	459.250.182	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.994.528	36.843.962	686.087.156	744.890.625	7.764.961	90.417.864
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	556.471.594	556.471.594	-	-
Các loại thuế khác	35.822.593	-	-	-	35.822.593	-
Cộng	86.780.359	110.662.101	18.850.355.276	19.362.091.938	645.723.891	1.181.342.295

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.16 Chi phí phải trả

5.16.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.137.008.821	950.589.258
Chi phí thuê tài sản - máy nhựa	1.246.482.496	1.246.482.496
Chi phí hoa hồng môi giới	277.575.678	49.057.465
Cộng	2.661.066.995	2.246.129.219

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.364.987.176	1.364.987.176	1.500.788.032	1.500.788.032
Bảo hiểm xã hội	137.297.327	137.297.327	75.805.307	75.805.307
Bảo hiểm y tế	11.036.549	11.036.549	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.932.922	6.932.922	-	-
Cổ tức phải trả	98.053.700	98.053.700	98.053.700	98.053.700
Phải trả khác	203.861.463	203.861.463	37.691.863	37.691.863
Cộng	1.822.169.137	1.822.169.137	1.712.338.902	1.712.338.902

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.678.729.025	1.678.729.025	1.678.729.025	1.678.729.025
Phải trả khác	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Cộng	1.728.729.025	1.728.729.025	1.728.729.025	1.728.729.025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	279.716.179.492	279.716.179.492	365.074.134.243	303.634.502.101	218.276.547.350	218.276.547.350
Bên liên quan - Công ty Cổ phần Bình Hiệp	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
VietinBank - Chi nhánh 12	34.253.113.685	34.253.113.685	43.334.613.612	44.726.382.624	35.644.882.697	35.644.882.697
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	32.474.901.946	32.474.901.946	38.378.674.740	37.858.350.211	31.954.577.417	31.954.577.417
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	140.047.165.931	140.047.165.931	170.796.462.504	131.478.463.240	100.729.166.667	100.729.166.667
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM	24.605.976.656	24.605.976.656	53.115.126.870	34.890.291.052	6.381.140.838	6.381.140.838
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng CN TPHCM	39.335.021.274	39.335.021.274	50.449.256.517	54.681.014.974	43.566.779.731	43.566.779.731
2> Vay dài hạn đến hạn trả	3.378.743.130	3.378.743.130	6.344.100.356	12.266.199.147	9.300.841.921	9.300.841.921
VietinBank - Chi nhánh 12	-	-	479.790.000	2.398.950.000	1.919.160.000	1.919.160.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	1.834.743.130	1.834.743.130	2.752.114.695	4.586.857.825	3.669.486.260	3.669.486.260
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	1.544.000.000	1.544.000.000	3.112.195.661	5.280.391.322	3.712.195.661	3.712.195.661
3> Nợ thuê tài chính đến hạn trả	18.561.795.982	18.561.795.982	28.226.946.879	47.969.548.679	38.304.397.782	38.304.397.782
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	9.502.737.636	9.502.737.636	14.534.209.575	24.938.924.435	19.907.452.496	19.907.452.496
Công ty TNHH MTV CTTC NH Sài Gòn Thương Tín Việt Nam - CN Hà Nội	127.200.000	127.200.000	169.600.000	169.600.000	127.200.000	127.200.000
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN-Tp.HCM	27.024.880	27.024.880	55.524.880	112.524.880	84.024.880	84.024.880
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4.068.186.600	4.068.186.600	6.102.279.900	10.170.466.500	8.136.373.200	8.136.373.200
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHAILEASE	4.456.124.466	4.456.124.466	6.794.548.924	11.626.726.864	9.288.302.406	9.288.302.406
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế Việt Nam	380.522.400	380.522.400	570.783.600	951.306.000	761.044.800	761.044.800
Cộng	301.656.718.604	301.656.718.604	399.645.181.478	363.870.249.927	265.881.787.053	265.881.787.053

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Khoản vay Công ty Cổ phần Bình Hiệp

Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2018/HĐV/BH-NTP ngày 09/05/2018 với tổng giá trị vay là 9.000.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng với lãi suất 4,8%/năm. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương – chi nhánh 12 gồm:

Hợp đồng tín dụng số 56/2018-HĐCVHM/NHCT994-TANPHU ngày 28/06/2018 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ và số dư LC đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 78/2017-HĐCVHM/NHCT994-TANPHU ngày 04/10/2017. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là từ 28/06/2018 đến 30/06/2019. Biện pháp đảm bảo tài sản theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC ngày 06/08/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 30/HĐTC ngày 17/04/2015. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Khoản vay ngân hàng BPCE IOM – chi nhánh TP Hồ Chí Minh gồm:

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000435-2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 1.500.000 USD. Mục đích vay đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%/năm, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay. Biện pháp đảm bảo là hàng tồn kho và các khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp MGA – 000435-2017 ngày 20/12/2017 với giá trị 1.650.000USD.

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh:

Hợp đồng tín dụng số 01/CV-158/KHDN1/17NH ngày 25/07/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi nhận trên Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VCB từng thời kỳ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho tới ngày 31 tháng 07 năm 2018. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam:

Hợp đồng số 006/HĐTD2-VIB880/18 ngày 08/06/2018. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa, nhập khẩu hạt nhựa các loại và các sản phẩm phụ trợ để sản xuất nhựa của bên vay. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu 19 tỷ đồng tại mọi thời điểm theo HĐ thế chấp số 0010.02/HDDTC2-VIB880/16 ngày 15/03/2016 và phụ lục đi kèm, khoản phải thu của Công ty với giá trị tối thiểu 19 tỷ đồng tại mọi thời điểm theo HĐ thế chấp số 0010.01/HDDTC2-VIB880/16 ngày 15/03/2016 và phụ lục đi kèm, và bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN TP. Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 068/2017/HĐHM/CMB ký ngày 20/06/2017. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa là 06 tháng. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ.

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả

Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả được chi tiết tại thuyết minh vay và nợ tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	80.363.597.074	80.363.597.074	132.176.399.914	84.388.248.167	32.575.445.327	32.575.445.327
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	4.586.857.797	4.586.857.797	-	-	4.586.857.797	4.586.857.797
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	33.557.739.277	33.557.739.277	21.571.956.086	1.517.804.339	13.503.587.530	13.503.587.530
Vay đối tượng khác	42.219.000.000	42.219.000.000	110.604.443.828	82.870.443.828	14.485.000.000	14.485.000.000
2> Nợ thuê tài chính	94.081.938.692	94.081.938.692	26.606.013.018	18.066.378.854	85.542.304.528	85.542.304.528
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	56.100.490.182	56.100.490.182	23.548.153.018	17.039.812.454	49.592.149.618	49.592.149.618
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHAILEASE	10.814.367.310	10.814.367.310	1.573.410.000	543.515.000	9.784.472.310	9.784.472.310
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế Việt Nam	547.559.215	547.559.215	-	-	547.559.215	547.559.215
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	26.312.121.985	26.312.121.985	1.484.450.000	419.451.400	25.247.123.385	25.247.123.385
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín CN Hà Nội	307.400.000	307.400.000	-	63.600.000	371.000.000	371.000.000
Cộng	174.445.535.766	174.445.535.766	158.782.412.932	102.454.627.021	118.117.749.855	118.117.749.855

Tình hình thanh toán các khoản nợ thuê tài chính:

	6 tháng năm 2018			6 tháng năm 2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	43.118.196.056	5.309.215.402	37.808.980.654	26.769.385.604	2.926.262.728	23.843.122.876
Cộng	43.118.196.056	5.309.215.402	37.808.980.654	26.769.385.604	2.926.262.728	23.843.122.876

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chi tiết các khoản vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 07 tháng 07 năm 2015. Hạn mức cho vay tối đa là 14.477.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 30/06/2018 là 6.933.043.941 VND trong đó khoản phải trả đến 31/12/2018 là 1.544.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 01/TDH-0158/KHDN/17NH ký ngày 25/7/2017. Hạn mức cho vay tối đa là 73.766.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư TSCĐ theo kế hoạch của Công ty. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 30/06/2018 là 28.168.695.336 VND.

Khoản vay ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam:

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là lãi tiền gửi 6 tháng cộng 3%/năm, áp dụng cho từng lần rút vốn vay và được điều chỉnh 06 tháng một lần kể từ ngày giải ngân. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và (iii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 VND của ông Ngô Đức Trung (Phó tổng giám đốc bên vay) dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại ngày 30/06/2018 là 6.421.600.927 VND trong đó khoản phải trả đến 31/12/2018 là 1.834.743.130 VND.

Các khoản vay cá nhân và đối tác khác

Công ty vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo các hợp đồng vay dài hạn giữa các cá nhân với Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của các cá nhân, khi đến kỳ đáo hạn nếu các cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất vay trung hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Lãi vay được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty. Số dư các khoản vay tại ngày 30/06/2018 là 12.219.000.000 VND.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001/2018/DPI-TPP ngày 28/06/2018. Thời hạn đầu tư là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 100.000.000.000 VND, mục đích hợp tác đầu tư để tìm kiếm cơ hội đầu tư cổ phiếu ngành nước nhằm mang lại lợi ích chính đáng. Công ty CP Quản lý đầu tư DNP đã đặt cọc 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 30.000.000.000 VND.

Các hợp đồng thuê tài chính

Các hợp đồng thuê tài chính với các công ty cho thuê tài chính nhằm đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê từ 24 - 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng và được điều chỉnh 3 - 6 tháng/lần.

Công ty cam kết mua lại tài sản cố định thuê tài chính khi hết thời hạn thuê với giá danh nghĩa được quy định tại từng hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2017	65.995.510.000	2.039.728.228	7.153.195.174	1.619.362.595	26.002.319.600	102.810.115.597
Chuyển lợi nhuận các chi nhánh về Công ty						-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.663.547.301	2.663.547.301
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	551.350.493	551.350.493
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	9.897.160.000	-	-	-	(9.897.160.000)	-
Chia cổ phiếu thưởng	24.086.220.000	(2.039.728.228)	(7.153.195.174)	(1.619.362.595)	(13.273.934.003)	-
Số dư tại 31/12/2017	99.978.890.000	-	-	-	6.046.123.391	106.025.013.391
Số dư tại 01/01/2018	99.978.890.000	-	-	-	6.046.123.391	106.025.013.391
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.097.970.950	3.097.970.950
Số dư tại 30/06/2018	99.978.890.000	-	-	-	9.144.094.341	109.122.984.341

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.13.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	72.631.650.000	72,65%	72.631.650.000	72,65%
Vốn góp của cổ đông khác	27.347.240.000	27,35%	27.347.240.000	27,35%
Cộng	99.978.890.000	100%	99.978.890.000	100%

5.13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	99.978.890.000	65.995.510.000
Vốn góp tăng trong năm	-	33.983.380.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	99.978.890.000	99.978.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	9.897.160.000
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	-	9.897.160.000

5.13.3 Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.997.889	9.997.889
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.997.889	9.997.889
Cổ phiếu phổ thông	9.997.889	9.997.889
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.997.889	9.997.889
Cổ phiếu phổ thông	9.997.889	9.997.889
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	357.420.979.653	274.918.256.989
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	357.420.979.653	274.918.256.989

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	93.899.281.250	36.370.038.000
Cộng	93.899.281.250	36.370.038.000

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Chiết khấu thương mại	346.187.507	279.661.176
Giảm giá hàng bán	30.132	14.855.000
Hàng bán bị trả lại	250.693.787	401.892.696
Cộng	596.911.426	696.408.872

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.3 Giá vốn hàng bán

	6 tháng năm 2018 <i>VND</i>	6 tháng năm 2017 <i>VND</i>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	321.158.827.290	235.187.345.864
Cộng	321.158.827.290	235.187.345.864

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng năm 2018 <i>VND</i>	6 tháng năm 2017 <i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.455.093	180.858.835
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.153.054	105.965.968
	54.608.147	286.824.803

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng năm 2018 <i>VND</i>	6 tháng năm 2017 <i>VND</i>
Lãi tiền vay	15.009.940.316	9.701.456.779
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	84.437.686	21.823.117
Lỗ chênh lệch tỷ giá	49.506.417	83.592.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	75.223.827	26.143.169
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(11.400.000)
Chi phí tài chính khác	11.600	15.707
Cộng	15.219.119.846	9.821.631.536

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.6 Chi phí bán hàng

	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.829.418.432	4.116.585.313
Chi phí vật liệu, bao bì	10.151.372	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	200.582.937	28.904.673
Chi phí khấu hao TSCĐ	578.924.406	472.346.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.143.598.774	4.335.266.200
Chi phí bằng tiền khác	3.767.840.407	1.408.839.306
Cộng	13.530.516.328	10.361.942.405

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.111.508.991	9.679.345.772
Chi phí đồ dùng văn phòng	575.518.588	447.430.675
Chi phí khấu hao TSCĐ	435.660.957	326.339.632
Thuế, phí và lệ phí	14.955.134	14.955.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.251.060.024	2.073.539.286
Chi phí bằng tiền khác	4.041.499.376	5.708.201.467
Cộng	15.430.203.070	18.249.811.966

6.8 Thu nhập khác

	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.916.949.046	415.034.616
Các khoản khác	492.539.775	309.467.206
Cộng	12.409.488.821	724.501.822

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.9 Chi phí khác

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Các khoản bị phạt	-	31.015.772
Các khoản khác	64.453.683	266.527.126
Cộng	64.453.683	297.542.898

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.885.044.978	1.314.900.073
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	50.325.161	31.015.772
Các khoản điều chỉnh tăng	50.325.161	31.015.772
Các khoản chi phí không được trừ	66.175.607	31.015.772
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền và phải thu	(15.850.446)	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.935.370.139	1.345.915.845
Trong đó,		
Thu nhập được ưu đãi thuế (giảm 50%)	-	17.102.468.970
Thuế suất thuế TNDN không ưu đãi	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	787.074.028	269.183.169
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	1.710.246.897
Thuế TNDN được ưu đãi giảm 50% do đầu tư mở rộng tại Long An	-	1.710.246.897
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	787.074.028	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	1.181.818
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	787.074.028	1.181.818

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.097.970.950	1.313.718.255
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.097.970.950	1.313.718.255
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	9.997.889	9.997.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	310	131

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.097.970.950	1.313.718.255
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.097.970.950	1.313.718.255
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	9.997.889	9.997.889
Cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	310	131

(*) Trong năm 2017, Công ty chia thưởng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế và các quỹ, thặng dư vốn cổ phần với tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 3.398.338 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong 6 tháng năm 2017 đã được điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng do nghiệp vụ nêu trên. Theo đó, làm thay đổi chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu trình bày trên Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017.

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng năm 2018 VND	6 tháng năm 2017 VND
Chi phí nhân công	41.657.639.357	41.365.298.170
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.476.047.063	131.420.436.192
Chi phí công cụ dụng cụ	7.814.342.213	4.736.437.802
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.414.340.985	20.201.045.001
Thuế, phí, lệ phí	14.955.134	14.955.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.409.916.526	13.603.772.477
Chi phí khác bằng tiền	7.760.267.289	7.861.631.903
Cộng	250.547.508.567	219.203.576.679

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	<u>6 tháng năm 2018</u> VND	<u>6 tháng năm 2017</u> VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	26.606.013.018	65.261.120.006

7.2 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>30/06/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Tiền gửi thanh toán ký quỹ cho các hợp đồng thuê tài chính tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	761.725.420	533.450.000
Trong đó:		
USD	-	23.500

7.3 Tiền thu từ đi vay

	<u>6 tháng năm 2018</u> VND	<u>6 tháng năm 2017</u> VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	497.250.534.157	222.400.740.604

7.4 Tiền trả nợ gốc vay

	<u>6 tháng năm 2018</u> VND	<u>6 tháng năm 2017</u> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	393.944.849.059	151.455.143.385

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Nghị quyết quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty có cho đơn vị liên kết vay tiền. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ đối với khoản cho vay không có khả năng thu hồi.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	301.656.718.604	174.445.535.766		476.102.254.370
Phải trả người bán	42.805.622.596			42.805.622.596
Chi phí phải trả	2.661.066.995			2.661.066.995
Phải trả khác	1.822.169.137	1.728.729.025	-	3.550.898.162
Cộng	348.945.577.332	176.174.264.791	-	525.119.842.123
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	265.881.787.053	118.117.749.855		383.999.536.908
Phải trả người bán	21.958.218.139			21.958.218.139
Chi phí phải trả	2.246.129.219			2.246.129.219
Phải trả khác	1.712.338.902	1.728.729.025	-	3.441.067.927
Cộng	291.798.473.313	119.846.478.880	-	411.644.952.193

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

iv. Giá trị hợp lý**(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2018		01/01/2018		30/06/2018	01/01/2018
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.580.507.318	-	11.266.392.534	-	43.580.507.318	11.266.392.534
Phải thu khách hàng	91.191.820.547	(2.461.992.989)	67.924.354.003	(2.461.992.989)	88.729.827.558	65.462.361.014
Phải thu về cho vay	610.000.000	-	610.000.000	-	610.000.000	610.000.000
Phải thu khác	15.307.746.333	(1.789.904.445)	14.693.948.510	(1.789.904.445)	13.517.841.888	12.904.044.065
Đầu tư tài chính	6.200.072.890	(6.200.072.890)	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	-
	156.890.147.088	(10.451.970.324)	100.694.767.937	(10.451.970.324)	146.438.176.764	90.242.797.613
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	476.102.254.370	-	383.999.536.908	-	476.102.254.370	383.999.536.908
Phải trả người bán	42.805.622.596	-	21.958.218.139	-	42.805.622.596	21.958.218.139
Chi phí phải trả	2.661.066.995	-	2.246.129.219	-	2.661.066.995	2.246.129.219
Phải trả khác	3.550.898.162	-	3.441.067.927	-	3.550.898.162	3.441.067.927
	525.119.842.123	-	411.644.952.193	-	525.119.842.123	411.644.952.193

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2018 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành	735.735.706
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản thưởng khác	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
			VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ	Thanh lý tài sản cố định - Máy ép 650T	332.875.000
		Nhập mua nguyên vật liệu	93.866.300.000
		Xuất bán nguyên vật liệu, phụ kiện ngành nước	93.811.500.000
Công ty CP Bình Hiệp	Thành viên tập đoàn	Vay vốn	9.000.000.000
		Lãi vay phải trả Bình Hiệp	55.733.333
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Thành viên tập đoàn	Chi phí thuê văn phòng giao dịch tại Hà Nội	193.879.636

Công nợ với các bên liên quan khác

Số dư công nợ với các bên có liên quan được trình bày trong các thuyết minh mục 5.

9.2 Thông tin về bộ phận

Trong kỳ kế toán, Công ty chủ yếu chỉ hoạt động mua bán nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất mà chỉ lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

9.3.1 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2018			6 tháng năm 2017		
	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.849.677.865	61.974.390.362	356.824.068.227	228.043.556.437	46.178.291.680	274.221.848.117
2. Khấu hao	16.343.900.138	4.070.440.847	20.414.340.985	14.354.285.668	5.846.759.333	20.201.045.001
3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.104.152.299	9.561.088.638	35.665.240.937	34.188.324.254	4.846.177.999	39.034.502.253
4. Tài sản bộ phận	507.617.463.932	133.560.517.364	641.177.981.296	407.937.473.266	98.098.311.824	506.035.785.090
5. Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản	507.617.463.932	133.560.517.364	641.177.981.296	407.937.473.266	98.098.311.824	506.035.785.090
6. Nợ phải trả bộ phận	527.911.032.495	4.143.964.460	532.054.996.955	397.255.170.452	4.105.430.293	401.360.600.745
7. Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả	527.911.032.495	4.143.964.460	532.054.996.955	397.255.170.452	4.105.430.293	401.360.600.745

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm 30/06/2018, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 25.531.082.892 đồng.

Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 142.378.890.000 đồng theo công văn số 3970/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 06 năm 2018 thông qua phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân, đối tác của Công ty. Hiện tại, Công ty đang thực hiện đàm phán với các nhà đầu tư về giá phát hành cổ phiếu. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có đầy đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và sẽ khắc phục được tình trạng nêu trên trong thời gian tới sau khi đã hoàn thành việc tăng vốn cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu